

Số: ~~200~~/2024/CBTT-TOS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA UBCK
NHÀ NƯỚC, SỞ GD&ĐT HÀ NỘI VÀ CỦA DOANH NGHIỆP

V/V: Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2024
(Báo cáo hợp nhất)

Kính gửi: : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng
- Địa chỉ: Số 52 – 54 Trương Văn Bang, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 028 7300 6826 Fax: 028 3535 5423
- E-mail: info@tco.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng công bố Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2024 (Báo cáo hợp nhất).
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29 / 8 /2024 tại đường dẫn: [https://tancangoffshore.com/invester cat/cong-bo-thong-tin/](https://tancangoffshore.com/invester/cat/cong-bo-thong-tin/).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2024 (Báo cáo hợp nhất).

Người đại diện theo pháp luật ✓
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~101~~24/CV-TCO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Dịch vụ Biển Tân Cảng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Dịch vụ Biển Tân Cảng

- Mã chứng khoán: TOS
- Địa chỉ: Số 52 – 54 Trương Văn Bang, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ: (+84) 28 7300 6826 Fax: (+84) 28 3535 5423
- Email: info@tco.com.vn Website: <https://tancangoffshore.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024
- thuộc); BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: **29/8/2024** tại đường dẫn: https://tancangoffshore.com/invester_cat/bao-cao-tai-chinh/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 12 ngày 07 tháng 05 năm 2024 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 7300 6826
- Fax : 028 3535 5423

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2023
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Huy Vũ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 4 năm 2024

163
CÔNG
CỔ PH
DỊCH
TÂN

C - T

4981
CHI N
CÓN
CH NH
M TÔI
TA
ÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, ✓



Lê Đăng Phúc

Ngày 28 tháng 08 năm 2024

8652-C
TY
I ANH
VU
I CANH
PHO

002
I ANH
S TY
M HUU
I VA TU
& C
HA NE
A - TP

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01. St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 2.0546/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.724.887.257.912	1.413.887.698.237
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	862.635.350.109	547.850.692.923
1. Tiền	111		692.635.350.109	379.650.692.923
2. Các khoản tương đương tiền	112		170.000.000.000	168.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		86.292.830.800	2.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	86.292.830.800	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.195.043.142.794	537.021.752.350
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	911.116.110.625	501.543.185.710
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	125.092.150.714	29.794.950.653
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	18.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	182.798.269.697	30.143.809.161
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(23.985.719.735)	(24.460.193.174)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.331.493	-
IV. Hàng tồn kho	140		426.655.077.741	255.528.304.908
1. Hàng tồn kho	141	V.8	426.655.077.741	255.528.304.908
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		154.260.856.468	70.986.948.056
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	23.366.722.772	12.384.683.648
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		130.878.529.150	58.585.140.635
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	15.604.546	17.123.773
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.419.955.017.416	2.118.422.236.897
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.007.023.478	85.406.599.478
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	9.000.000.000	19.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	66.007.023.478	66.406.599.478
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.852.983.539.375	1.732.390.769.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.634.054.275.659	1.513.170.402.441
<i>Nguyên giá</i>	222		3.605.694.420.352	3.365.444.469.965
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.971.640.144.693)	(1.852.274.067.524)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	981.215.730	1.186.870.446
<i>Nguyên giá</i>	225		2.219.704.000	2.219.704.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.238.488.270)	(1.032.833.554)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	217.948.047.986	218.033.496.733
<i>Nguyên giá</i>	228		219.290.529.186	219.290.529.186
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.342.481.200)	(1.257.032.453)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.13	160.306.298.028	6.698.148.143
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		160.306.298.028	6.698.148.143
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	210.498.513.195	163.465.467.699
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		210.498.513.195	163.465.467.699
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		121.159.643.340	130.461.251.957
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	116.213.440.934	128.194.219.840
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.805.116.518	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		2.141.085.888	2.267.032.117
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.144.842.275.328	3.532.309.935.134

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.927.749.346.875	2.391.221.034.909
I. Nợ ngắn hạn	310		1.164.682.057.643	1.397.589.887.555
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	306.827.997.229	233.422.112.424
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	44.785.084.649	453.375.206.272
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	30.572.277.444	41.539.295.810
4. Phải trả người lao động	314		22.144.969.868	23.395.341.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	100.537.825.410	65.687.053.225
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	99.361.222.597	99.361.222.597
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	80.833.403.063	68.202.761.490
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	474.881.284.506	401.923.107.426
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	4.737.992.877	10.683.787.301
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.763.067.289.232	993.631.147.354
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		1.761.005.059.000	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	49.680.611.293	99.361.222.597
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	150.000.000	150.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	950.638.693.322	894.119.924.757
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.592.925.617	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.217.092.928.453	1.141.088.900.225
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.217.092.928.453	1.141.088.900.225
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		340.479.752.983	293.738.095.119
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.361.586.772	27.231.484.678
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		269.647.138.219	252.641.389.090
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		154.621.200.007	252.641.389.090
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		115.025.938.212	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		269.605.590.479	257.479.071.338
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.144.842.275.328	3.532.309.935.134

Người lập biểu

Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiên

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2024



Tổng Giám đốc

Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.225.956.188.728	654.737.524.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	50.303.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.225.956.188.728	654.687.220.835
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	954.932.131.782	480.626.758.335
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		271.024.056.946	174.060.462.500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.475.543.165	3.694.397.107
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	60.528.397.977	41.194.666.895
Trong đó: chi phí lãi vay	23		56.009.486.583	40.134.548.571
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	11.265.545.496	6.851.240.508
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.506.809.125	8.111.092.695
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	68.849.314.561	45.245.408.779
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		154.880.623.944	90.054.931.746
12. Thu nhập khác	31	VI.7	590.174.805	3.593.810.682
13. Chi phí khác	32	VI.8	755.185.764	661.829.236
14. Lợi nhuận khác	40		(165.010.959)	2.931.981.446
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		154.715.612.985	92.986.913.192
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	27.388.628.031	13.589.933.766
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.212.190.901)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	V.23	128.539.175.855	79.396.979.426
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.23	115.025.938.212	63.429.665.188
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		13.513.237.643	15.967.314.238
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.509	1.839
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	3.509	1.839

Người lập biểu

Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2024



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		155.927.803.886	92.986.913.192
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.10	119.783.126.861	103.847.731.347
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	771.179.688	3.274.934.821
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3,4	334.846.739	200.237.237
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.848.964.098)	(8.235.302.530)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	56.009.486.583	40.134.548.571
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		328.977.479.659	232.209.062.638
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(642.315.823.236)	21.003.823.378
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(171.126.772.833)	(114.220.551.004)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.342.137.888.512	(1.122.563.556)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		998.739.782	17.986.002.412
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(64.867.209.351)	(46.837.442.324)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(37.339.641.265)	(12.414.515.557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(11.259.639.045)	(10.813.130.029)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		745.205.022.223	85.790.685.958
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(342.122.952.929)	(159.687.965.845)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(150.952.830.800)	(9.862.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		77.142.000.000	7.719.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(114.692.500.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		449.795.726	1.191.052.295
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(530.176.488.003)	(160.639.913.550)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	14.300.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.21	514.464.105.906	344.807.826.153
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.21	(384.818.474.059)	(258.380.704.717)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.21	(168.686.202)	(168.686.202)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.759.830.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	99.717.115.145	100.558.435.234
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	314.745.649.365	25.709.207.642
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	547.850.692.923	153.887.945.943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	39.007.821	(5.118.317)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	862.635.350.109	179.592.035.268

Người lập biểu

Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con (05 Công ty con trực tiếp, 02 Công ty con gián tiếp) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp lương thực, thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động xây dựng dân dụng khác: nạo vét luồng lạch; Thi công nền móng bằng phương pháp khoan cọc nhồi. Trục vót, nạo vét công trình thủy.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu	Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, số 808 Lê Hồng Phong, phường Thành Tô, quận Hải An,	Hoạt động cung cấp kho bãi và lưu giữ hàng hóa	100%	100%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	thành phố Hải Phòng					
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái (*)	Số 25 Đường 4B Tổ 7 Khu phố 2, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	26,41%	28,42%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dương Anh (**)	10/256 Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét sông ngòi, đường biển	51%	51,00%	100%	100%

(*) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

(**) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng.

5b. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, thị xã Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh	31%	31%	31%	31%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Số 16-18 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	45%	45%	45%	45%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam)	NQ 10-15, Nguyệt Quế 10, Khu đô thị Vinhomes Star City, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	35%	35%	35%	35%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	20%	20%	20%	20%
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	50%	-	50%	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	36%	-	36%	-

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 1.113 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 853 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

002
ÁNH
TY
HỮU
À TU
C
NỘ
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.618.796.855	1.684.117.085
Tiền gửi ngân hàng	690.016.553.254	377.616.575.838
Tiền đang chuyển	-	350.000.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	170.000.000.000	168.200.000.000
Cộng	862.635.350.109	547.850.692.923

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4,3% - 5,4%/năm.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	121.249.370.000	14.359.519.474	135.608.889.474	121.249.370.000	6.727.299.974	127.976.669.974
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	22.275.000.000	3.239.079.969	25.514.079.969	22.275.000.000	2.551.562.717	24.826.562.717
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	10.500.000.000	28.152.765	10.528.152.765	10.500.000.000	162.235.008	10.662.235.008
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid ⁽ⁱ⁾	17.767.500.000	2.897.108.971	20.664.608.971	-	-	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng ⁽ⁱⁱ⁾	18.000.000.000	182.782.016	18.182.782.016	-	-	-
Cộng	191.791.870.000	18.706.643.195	210.498.513.195	156.024.370.000	7.441.097.699	163.465.467.699

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần/Vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	3.911.270 CP	31,00%	3.911.270 CP	31,00%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	200.000 CP	20,00%	200.000 CP	20,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	2.025.000 CP	45,00%	2.025.000 CP	45,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	1.050.000 CP	35,00%	1.050.000 CP	35,00%
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid ⁽ⁱ⁾	17.767.500.000 VND	50,00%	-	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng ⁽ⁱⁱ⁾	1.800.000 CP	36,00%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	Cộng
Giá trị sở hữu đầu năm	127.976.669.974	24.826.562.717	10.662.235.008	-	-	163.465.467.699
Giá trị đầu tư trong kỳ	7.632.219.500	687.517.252	(134.082.243)	17.767.500.000	18.000.000.000	35.767.500.000
Lãi lỗ Công ty liên kết	7.632.219.500	687.517.252	(134.082.243)	2.897.108.971	182.782.016	11.265.545.496
Lợi nhuận trong kỳ	7.632.219.500	687.517.252	(134.082.243)	2.897.108.971	182.782.016	11.265.545.496
Giá trị sở hữu cuối kỳ	135.608.889.474	25.514.079.969	10.528.152.765	20.664.608.971	18.182.782.016	210.498.513.195

(i) Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid (sau đây gọi tắt là "TC Mermaid") với số vốn góp 17.767.500.000 VND (tương đương với 750.000 USD), chiếm tỷ lệ 50% vốn điều lệ của TC Mermaid. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

(ii) Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thành lập Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "TC Ngoài khơi") với số vốn góp 18.000.000.000 VND (tương đương với 1.800.000 cổ phần phổ thông), chiếm tỷ lệ 36% vốn điều lệ của TC Ngoài khơi. TC Ngoài khơi đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0318354152 ngày 15/03/2024, vốn điều lệ của TC Ngoài khơi là 50.000.000.000 VND (tương ứng với 5.000.000 cổ phần phổ thông). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giao dịch với các công ty liên kết

Giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry		
Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ	619.923.502	12.391.001
Chi phí do Gantry cung cấp	18.702.906.102	4.533.082.429
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.686.222	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Mermaid	24.112.880.000	-
Góp vốn	17.767.500.000	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng		
Góp vốn	18.000.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	92.206.480	-

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang và Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu ("TCXC"), Đại hội đồng cổ đông của TCXC đã quyết định chấm dứt hoạt động kể từ tháng 6 năm 2024. Ngày 28 tháng 6 năm 2024, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐQT, trong đó quyết định thông qua việc giải thể TCXC với lý do TCXC hoạt động không hiệu quả vì không tiếp tục triển khai dự án đầu tư như định hướng hợp tác thành lập doanh nghiệp ban đầu. Đến thời điểm hiện tại, TCXC chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc giải thể.
- Các Công ty khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Kế hoạch góp vốn tại công ty liên kết

Ngày 06 tháng 06 năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐQT về việc góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng ("TCS") với tỷ lệ góp vốn là 43,785% vốn điều lệ của TCS. Việc góp vốn được thực hiện thông qua hình thức Công ty nhận chuyển nhượng 8.757.000 cổ phần tại TCS từ các cổ đông hiện hữu của TCS với giá chuyển nhượng dự kiến tối đa là 25.000 đồng/cổ phần. Tổng giá trị chuyển nhượng cổ phần dự kiến là 218.925.000.000 VND. Thời gian hoàn tất các thủ tục để chuyển nhượng cổ phần là trong quý 2 năm 2024. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục nhận chuyển nhượng số cổ phần nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	109.436.762.673	75.470.820.252
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	56.431.998.022	39.899.728.476
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	24.228.000	11.630.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	508.576.385	12.441.600
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	17.095.875.000	13.176.540.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	78.093.000	255.504.731
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	8.327.801
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	304.654.108	347.831.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	1.507.417.654	1.428.874.668
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	-	12.641.000
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	10.512.880.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	27.934.200	55.112.400
Công ty Cổ phần Hỗ trợ Hàng hải và Dịch vụ Ngoài khơi Tân Cảng	88.436.600	-
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	22.856.669.704	20.262.188.576
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	801.679.347.952	426.072.365.458
Quân chủng Hải quân	358.817.547.173	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu Aussie Offshore Services Limited	10.427.385.663	10.904.108.113
25.519.585.681	25.519.585.681	11.824.072.714
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Năng Lượng Biển	14.693.220.616	16.188.320.616
Jungwon Maritime Pte. Ltd	21.680.737.947	21.680.737.947
SC Management Co., Ltd	131.185.622.809	52.502.632.229
Marin East Company Limited	7.446.781.916	13.655.711.894
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Maritime)	5.093.934.565	7.662.918.634
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	86.343.633.187	81.238.359.937
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	9.742.321.393	15.400.062.039
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dacinco	31.227.585.000	46.227.585.000
Các khách hàng khác	99.500.992.002	148.787.856.335
Cộng	911.116.110.625	501.543.185.710

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	30.000.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	95.092.150.714	29.794.950.653
Công ty TNHH Vận tải Quang Hải	-	20.000.000.000
Kawasaki Trading Co., Ltd	-	861.064.110

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Mercury Lines	8.075.000.000	-
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	10.262.207.751	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Xuất nhập khẩu Quê Hương	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Vận tải Quảng Hà	9.299.300.000	-
Công ty Cổ phần Nam Châu Sơn Ninh Thuận	7.670.919.121	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Thành Tuyên	6.361.141.485	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải Hoàng Thịnh	5.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	28.423.582.357	8.933.886.543
Cộng	125.092.150.714	29.794.950.653

5. Phải thu về cho vay**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay không tính lãi tại Công ty Cổ phần Cung ứng TCOT Cát Lái.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry (là bên liên quan) vay theo hợp đồng số 04/2022/HĐVT/TCO-TCGT ngày 18 tháng 11 năm 2022, bổ sung bởi phụ lục 02-2023/PLHĐVT/TCO-TCGT ngày 18 tháng 11 năm 2023. Giá trị hợp đồng là 19.000.000.000 VND với thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày nhận tiền vay đầu tiên. Lãi suất vay cố định 9%/năm, tiền lãi trả định kỳ theo quý. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry đã thanh toán trước hạn gốc vay cho Công ty với số tiền thanh toán là 10.000.000.000 VND.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	14.239.825.558	-	14.168.933.231	-
Công Ty Cổ phần Tân Cảng Gantry - Lãi vay phải thu	1.845.369.864	-	1.138.191.781	-
Công Ty Cổ Phần Tân Cảng Gantry - Tiền đặt cọc thực hiện hợp đồng	2.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng:	9.894.455.694	-	13.030.741.450	-
- Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh thu hồi dần hàng năm	8.777.836.672	-	7.393.677.135	-
- Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	1.116.619.022	-	5.637.064.315	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	168.767.888.584	-	15.974.875.930	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vinaconnect ^(*)	56.762.500.000	-	-	-
Công ty TNHH Mercury Lines ^(*)	14.087.500.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế GTGT chưa kê khai	195.255.296	-	131.992.202	-
Dự thu lãi tiền gửi	978.768.646	-	79.600.274	-
Ký cược, ký quỹ	74.466.142.857	-	3.162.710.820	-
Tạm ứng	14.313.180.788	-	8.006.838.766	-
Các khoản thu chi hộ	6.947.990.940	-	4.115.152.757	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	807.105.612	-	478.581.111	-
Cộng	182.798.269.697	-	30.143.809.161	-

(*) Khoản đặt cọc để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng (xem thuyết minh số V.2). Các khoản đặt cọc này sẽ được bù trừ vào tiền mua cổ phần phải trả khi Công ty hoàn thành thủ tục được cấp quyền sở hữu các cổ phần của TCS.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	7.546.925.026	-	7.546.925.026	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh (*)	7.546.925.026	-	7.546.925.026	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	58.460.098.452	-	58.859.674.452	-
Ký cược, ký quỹ	58.420.098.452	-	58.759.674.452	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	40.000.000	-	100.000.000	-
Cộng	66.007.023.478	-	66.406.599.478	-

(*) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty Cổ phần Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 146.298.243.128 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 73.149.121.564 VND. Vốn góp được thu hồi dần hàng năm, thông qua khấu hao tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	-	-	-	> 3 năm	1.245.653.127	(1.245.653.127)
Jungwon Maritime Pte. Ltd	> 3 năm	21.267.976.405	(21.267.976.405)	> 3 năm	21.267.976.405	(21.267.976.405)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Long Phú Hải	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.341.062.049	(938.743.434)	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.341.062.049	(670.531.025)
Bệnh viện 30-4	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.087.820.000	(1.461.474.000)	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.087.820.000	(1.043.910.000)
Công ty Cổ phần Việt Nam Catering	> 3 năm	206.775.216	(206.775.216)	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	206.775.216	(144.742.651)
Các khách hàng khác	> 3 năm	110.750.680	(110.750.680)		249.950.215	(87.379.966)
Cộng		25.014.384.350	(23.985.719.735)		26.399.237.012	(24.460.193.174)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	24.460.193.174	20.514.727.328
Trích lập dự phòng bổ sung	771.179.688	3.274.934.821
Sử dụng dự phòng để xóa nợ	(1.245.653.127)	-
Số cuối kỳ	23.985.719.735	23.789.662.149

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	76.114.834.993	43.507.245.186
Công cụ, dụng cụ	22.171.513	28.022.765
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	348.475.620.172	209.365.029.665
Thành phẩm	74.890.637	64.239.425
Hàng hóa	1.967.560.426	2.563.767.867
Cộng	426.655.077.741	255.528.304.908

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	7.574.186.586	7.809.873.274
Chi phí sửa chữa tài sản	4.733.765.450	1.535.141.815
Chi phí công cụ dụng cụ	10.171.461.263	2.247.550.761
Chi phí khác	887.309.473	792.117.798
Cộng	23.366.722.772	12.384.683.648

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	28.929.884.235	30.282.336.578
Chi phí sửa chữa, bồi dưỡng tàu và tài sản khác	12.078.881.813	26.966.470.137
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	46.431.989.792	65.936.836.641
Chi phí thuê thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu	-	1.957.649.400
Phí bảo lãnh ngân hàng kỳ hạn trên 12 tháng	26.724.118.576	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.048.566.518	3.050.927.084
Cộng	116.213.440.934	128.194.219.840

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	509.898.737.359	1.144.153.512.346	1.708.653.265.176	1.510.734.829	1.228.220.255	3.365.444.469.965
Mua trong kỳ	-	11.271.248.737	228.382.279.334	50.000.000	-	239.703.528.071
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	546.422.316	-	-	546.422.316
Phân loại lại	-	1.659.736.227	(1.787.212.227)	127.476.000	-	-
Số cuối kỳ	509.898.737.359	1.157.084.497.310	1.935.794.754.599	1.688.210.829	1.228.220.255	3.605.694.420.352
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	417.035.166.419	559.468.831.059	13.924.459.520	1.219.738.965	1.198.220.255	992.846.416.218
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	426.743.726.318	972.752.731.026	450.290.468.820	1.269.425.137	1.217.716.223	1.852.274.067.524
Khấu hao trong kỳ	2.555.068.725	30.944.963.821	85.802.444.462	59.850.161	3.750.000	119.366.077.169
Phân loại lại	-	791.771.896	(812.369.189)	20.597.293	-	-
Số cuối kỳ	429.298.795.043	1.004.489.466.743	535.280.544.093	1.349.872.591	1.221.466.223	1.971.640.144.693
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	83.155.011.041	171.400.781.320	1.258.362.796.356	241.309.692	10.504.032	1.513.170.402.441
Số cuối kỳ	80.599.942.316	152.595.030.567	1.400.514.210.506	338.338.238	6.754.032	1.634.054.275.659
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.466.433.891.828 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải truyền dẫn.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.219.704.000	(1.032.833.554)	1.186.870.446
Khấu hao trong kỳ	-	(205.654.716)	(205.654.716)
Số cuối kỳ	2.219.704.000	(1.238.488.270)	981.215.730
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	217.814.485.186	1.476.044.000	219.290.529.186
Số cuối kỳ	217.814.485.186	1.476.044.000	219.290.529.186
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	448.600.000	448.600.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.257.032.453	1.257.032.453
Khấu hao trong kỳ	-	85.448.747	85.448.747
Số cuối kỳ	-	1.342.481.200	1.342.481.200
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	217.814.485.186	219.011.547	218.033.496.733
Số cuối kỳ	217.814.485.186	133.562.800	217.948.047.986

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 217.814.485.186 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển phân bổ	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	382.595.929.219	(228.987.779.334)	-	153.608.149.885
Sà lan Mỹ An (TC16)	-	22.995.890.909	(22.995.890.909)	-	-
Sà lan Nusa Bhakti 11 (TC26) và tàu SW29 (TC Cam Ranh)	-	44.644.205.185	-	-	44.644.205.185
Mua sắm thiết bị ROV 150HP	-	32.488.472.732	-	-	32.488.472.732
Mua sắm phương tiện vận tải	-	282.467.360.393	(205.991.888.425)	-	76.475.471.968
<i>Xây dựng cơ bản dở dang (*)</i>	6.698.148.143	-	-	-	6.698.148.143
Dự án 52 – 58 Trần Phú	542.740.734	-	-	-	542.740.734
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	-	-	3.013.636.364
Dự án khác	3.141.771.045	-	-	-	3.141.771.045
<i>Sửa chữa lớn TSCĐ</i>	-	21.444.980.472	-	(21.444.980.472)	-
Cộng	6.698.148.143	404.040.909.691	(228.987.779.334)	(21.444.980.472)	160.306.298.028

(*) Các công trình xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không thực hiện thêm và sẽ được tiếp tục khi tình hình khả quan hơn.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	36.427.404.711	23.927.239.190
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.666.123.985	1.317.993.310
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	5.926.142.938	6.171.791.075
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	7.030.800.000	5.560.300.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	292.139.298	685.265.021
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	4.311.789.882	2.143.682.556
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	906.178.314	621.102.610
Công ty TNHH MTV 128	5.963.036.900	3.206.486.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	10.331.193.394	4.220.618.618
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	270.400.592.518	209.494.873.234
Công ty TNHH Xăng dầu Long Sơn	13.052.460.000	-
Genmarca Shipping Limited	11.680.542.258	-
Công ty TNHH Tân An Thịnh Hải Phòng Việt Nam	14.265.400.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Thiết bị Môi trường Hà Nội	31.454.500.000	-
Công ty TNHH Vận tải Quang Hải	15.102.722.786	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu và Vận tải Khôi Nguyên	19.246.992.110	-
Aussie Offshore Services Limited	4.603.349.884	7.835.445.889
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	19.660.427.144	25.619.104.855
Công ty Cổ phần Hàng hải và Năng lượng Hải Mã	-	33.212.249.195
Các nhà cung cấp khác	138.162.198.336	142.828.073.295
Cộng	306.827.997.229	233.422.112.424

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quân chủng Hải quân	-	433.180.505.185
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	35.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng biển	-	10.614.263.454
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thy	8.923.233.200	8.923.233.200
Các khách hàng khác	461.851.449	657.204.433
Cộng	44.785.084.649	453.375.206.272

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phân loại lại	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.571.872.544	4.170.511	8.405.436.915	(9.130.506.519)	21.600.000	1.864.232.429	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	7.575.988.893	(7.575.988.893)	-		
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	5.633.179.784	(5.633.179.784)	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.987.809.575	-	26.847.253.737	(37.339.641.265)	-	26.463.446.127	
Thuế thu nhập cá nhân	1.696.462.023	10.953.262	8.178.269.730	(7.761.923.149)	21.600.000	2.138.002.176	14.546.834
Tiền thuế đất	43.200.000	-	9.900.000	(9.900.000)	(43.200.000)	-	
Các loại thuế khác	175.268.621	2.000.000	324.958.124	(406.316.045)	-	92.910.700	1.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	64.683.047	-	322.537.732	(373.592.479)	-	13.686.012	57.712
Cộng	41.539.295.810	17.123.773	57.297.524.915	(68.231.048.134)	-	30.572.277.444	15.604.546

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế	0%
- Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ	5%
- Hàng hóa, dịch vụ còn lại	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty mẹ phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2028.

Các Công ty con trong Tập đoàn phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	9.036.086.545	14.273.738.740
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất và thuê văn phòng	9.036.086.545	8.940.632.000
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa - Phí cầu cảng	-	5.333.106.740
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	91.501.738.865	51.413.314.485
Lãi vay phải trả	13.754.433.743	22.612.156.511
Chi phí thuê tàu phải trả	30.747.071.002	11.020.370.124
Chi phí nhiên liệu phải trả	9.838.220.337	5.172.364.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.144.211.363	11.059.381.332
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	24.017.802.420	1.549.042.476
Cộng	100.537.825.410	65.687.053.225

18. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện của khoản Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn thuê cầu Q20, Q21, Q22, Q26, Q27, cầu RTG6+1 năm 2024 và năm 2025, số tiền thuê tương ứng là 99.361.222.597 VND/năm.

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	68.945.133.559	53.247.265.202
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	68.943.827.107	53.191.356.393
<i>Cổ tức phải trả</i>	68.758.308.500	52.018.310.000
<i>Phải trả thanh toán thừa</i>	-	965.826.067
<i>Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả</i>	185.518.607	207.220.326
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.306.452	55.908.809
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	11.888.269.504	14.955.496.288
Tài sản thừa chờ giải quyết	37.772.606	33.475.000
Cổ tức phải trả	2.054.760.000	-
Kinh phí công đoàn	1.371.045.758	981.142.660
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	967.271.578	94.534.789
Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	1.750.718.000	1.750.718.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.230.808.300	2.230.808.300
Các khoản chi hộ phải trả	1.746.131.973	2.245.408.513
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.729.761.289	7.619.409.026
Cộng	80.833.403.063	68.202.761.490

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1807/TCOTS-VNTM ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart (VNTM) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con) để thực hiện dự án quản lý, khai thác nhà khách Ngoại vụ kết hợp An điều dưỡng Vùng 3 Hải Quân tại Đà Nẵng. Theo Biên bản thanh lý thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 31/12/2019, Công ty con mua lại phần vốn góp của VNTM bằng số tiền VNTM đã thực góp. Thời hạn thanh toán lần 01 số tiền 1.162.570.000 VND trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý, phần còn lại sẽ được thanh toán bằng hình thức khấu trừ dần trên doanh thu VNTM sử dụng tại khách sạn Navy Đà Nẵng và Bãi Cát Vàng (nếu có). Trong trường hợp Công ty con không còn quyền khai thác khách sạn Navy Đà Nẵng, số tiền còn lại sẽ được chuyển cho VNTM một lần.

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	257.702.648.100	227.330.702.563
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	75.377.369.384	44.418.213.215
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	56.712.612.213	66.322.421.286
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	27.601.355.778	32.799.295.893
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Đa	7.462.114.215	12.192.056.050
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	79.055.677.796	45.722.683.166
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	11.493.518.714	25.876.032.953
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	216.872.930.702	173.555.032.459
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú	3.909.594.800	3.909.594.800
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	14.284.257.680	14.284.257.680
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	62.514.881.748	62.514.881.748
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	65.321.634.900	63.220.144.567
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	6.682.142.856	6.682.142.856
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	40.265.780.832	6.170.412.820
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	23.894.637.886	16.773.597.988
Vay ngắn hạn cá nhân khác	-	700.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	305.705.704	337.372.404
Cộng	474.881.284.506	401.923.107.426

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin bổ sung về các khoản vay ngắn hạn:

<u>Ngân hàng/Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Hợp đồng cấp tín dụng số 0067/2375/N-CTD ngày 03/07/2023	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 100.000.000.000 VND	12 tháng	5,4%/năm	Cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB / Thẻ chấp hai Cầu RTG 6+1/ Thẻ chấp 01 cầu bờ trực hiệu Kocks 73013/ Các quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê thiết bị với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng ngày 12/10/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,5%/năm	02 cầu Container KOCKS (số hiệu Q20 và Q21) và 01 Tàu TC Royal
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa				
Hợp đồng tín dụng ngày 09/04/2024	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	4,9% đến 5,5%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa				
Hợp đồng cấp tín dụng số 97/2023/HĐBBĐ/NHCT126 ngày 25/8/2023	Bổ sung VLĐ phục vụ cho các hoạt động đầu tư TSCĐ. Hạn mức 40.000.000.000 VND	5 tháng	5,5%-6%/năm	Tàu Tân Cảng 86
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2				
Hợp đồng tín dụng số ngày 29/9/2023	Phát hành bảo lãnh thanh toán, LC, giải ngân để thực hiện công trình. Hạn mức 200 tỷ VND	6 tháng	6%-6,8%/năm	Hàng hóa, quyền đòi nợ, tài sản hình thành từ hợp đồng thi công xây dựng công trình
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành				
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00009408.05125/2023/HĐTD ngày 15/8/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh/phát hành bảo lãnh/LC doanh nghiệp	6 tháng	7,5%-9%/năm	Tàu hút xén thoi (Dredger) TCDG CSD02

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	227.330.702.563	326.858.371.906	-	(296.486.426.369)	257.702.648.100
Vay ngắn hạn các cá nhân	700.000.000	500.000.000	-	(1.200.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	173.555.032.459	-	124.742.577.933	(81.424.679.690)	216.872.930.702
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	337.372.404	-	137.019.502	(168.686.202)	305.705.704
Cộng	401.923.107.426	327.358.371.906	124.879.597.435	(379.279.792.261)	474.881.284.506

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn các cá nhân là bên liên quan</i>	<i>36.000.000.000</i>	<i>36.000.000.000</i>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>721.311.929.015</i>	<i>664.656.140.948</i>
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3.909.642.502	5.864.439.902
Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	86.596.347.115	33.528.816.299
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	87.099.547.459	221.390.054.492
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	213.048.069.953	202.885.480.900
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	78.515.178.574	81.856.250.002
Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Đô Thành	76.741.344.652	70.947.092.167
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	175.401.798.760	48.184.007.186
<i>Vay dài hạn các cá nhân khác</i>	<i>192.800.000.000</i>	<i>192.800.000.000</i>
<i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>526.764.307</i>	<i>663.783.809</i>
Cộng	<u>950.638.693.322</u>	<u>894.119.924.757</u>

Trong đó:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các tổ chức ⁽ⁱ⁾	721.311.929.015	664.656.140.948
Vay dài hạn các cá nhân Công ty mẹ ⁽ⁱⁱ⁾	149.800.000.000	149.800.000.000
Vay dài hạn các cá nhân Công ty con	79.000.000.000	79.000.000.000
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱ⁾	526.764.307	663.783.809
Cộng	<u>950.638.693.322</u>	<u>894.119.924.757</u>

⁽ⁱ⁾ Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>				
Các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2016 và 2020	Đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần; thanh toán tiền mua thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu khu vực Cảng và Phao xuất dầu không bền; đầu tư 1 tàu đa năng Pacific Vigour, số hiệu IMO 9443530	05 năm đến 10 năm	7% đến 9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng
<i>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam</i>				
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin/ Hạn mức vay: 65.000.000.000 VND	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 8/11/2021	Đầu tư tàu nạo vét xén thổi 650/ Hạn mức vay: 129.920.000.000 VND	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 4/7/2023	Đầu tư tòa nhà văn phòng 52 Trương Văn Bang/ Hạn mức vay: 77.000.000.000 VND	7 năm	6,68%/năm	Tòa nhà văn phòng
Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 7 năm 2021	Tài trợ khoản vay vốn đầu tư trung hạn không tuần hoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	54 tháng	7,0%/năm	Tàu TC Vigour, số hiệu IMO 9443530
Hợp đồng ngày 22/04/2022	Thanh toán mua tàu lai ASD 2813	84 tháng	7,3%/năm	Thế chấp tàu Tân Cảng 99
<i>Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga</i>				
Hợp đồng ngày 04/5/2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 20/9/2023	Đầu tư mua tàu TC Saturn	05 năm	8,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Hợp đồng ngày 12/6/2018	Đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer/ Hạn mức vay: 317.514.000.000 VND	106 tháng	7,5 đến 8,3%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 15/6/2022	Đầu tư mua tàu TAG14	60 tháng	7,9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 25/8/2022	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Tài trợ đầu tư tàu lai dắt ASD 2811 phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	84 tháng	8%/năm	Thế chấp tàu Tân Cảng 66
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam				
Hợp đồng số 4700-LAV-202200173 ngày 31/3/2022	Thanh toán chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất (Khách sạn Hanoi Golden Hotel)	180 tháng		Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – chi nhánh Đô Thành				
Hợp đồng cho vay số 3012/2022/HĐCV ngày 30/12/2022	Thanh toán các chi phí đầu tư mua mới Tàu hút xén thoi (Dredger) TCDG CSD02	84 tháng	8,82%- 10,82%/năm	Tàu hút xén thoi (Dredger) TCDG CSD02
Hợp đồng cho vay số 2811/2023/HĐCV ngày 28/11/2023	Thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	10%/năm	06 xe đào bánh xích cần dài
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2				
- Hợp đồng cho vay số 21871.22.103.17529583.TD ngày 19/5/2022	Thanh toán mua sà lan và cần trục bánh xích	60 tháng	8,8%/năm	Sà lan TCDG01
- Hợp đồng cho vay số 22012.22.103.17529583.TD ngày 17/05/2022	Thanh toán mua xe ô tô Toyota Fortuner	60 tháng	8,8%/năm	Thế chấp xe ô tô Fortuner BKS 51K-302.93
Hợp đồng tín dụng số 147024.23.103.17529583.TD ngày 06/7/2023	Đầu tư Tài sản cố định thanh toán tiền mua tàu kéo Tolak 11 và tàu nạo vét một gầu Bestla	90 tháng	9,1%- 9,5%/năm	Tàu Tolak 11 và tàu Bestla
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Hợp đồng số 85.19.01/CTTC ngày 20/2/2019	02 chiếc xe ô tô tải KIA nhãn hiệu Thaco Frontier K200-ĐL	72 tháng	9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng 97.22.04/CTTC ngày 29/11/2022	01 xe ô tô Toyota Fortuner 2.7G 4x2 AT	60 tháng	9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

(ii) Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV, đầu tư vào dự án Cầu Kocks và đầu tư mua tàu TC Fortune (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm, 8 năm và 10 năm). Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư tàu TC 89, đầu tư tàu TC Fortune và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9%/năm)	118.000.000.000	118.000.000.000
Bên liên quan	35.000.000.000	35.000.000.000
Các cá nhân khác	83.000.000.000	83.000.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Cán bộ nhân viên Công ty	200.000.000	200.000.000
Các cá nhân khác	30.600.000.000	30.600.000.000
Cộng	149.800.000.000	149.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn bên liên quan	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	938.184.859.717	216.872.930.702	630.744.082.383	90.567.846.632
Vay dài hạn các cá nhân khác	192.800.000.000	-	192.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	832.470.011	305.705.704	526.764.307	-
Cộng	1.167.817.329.728	217.178.636.406	860.070.846.690	90.567.846.632

Số đầu năm

Vay dài hạn bên liên quan	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	838.211.173.407	173.555.032.459	539.638.365.565	125.017.775.383
Vay dài hạn các cá nhân khác	192.800.000.000	-	192.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	1.001.156.213	337.372.404	663.783.809	-
Cộng	1.068.012.329.620	173.892.404.863	769.102.149.374	125.017.775.383

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn các bên liên quan	36.000.000.000	-	-	-	36.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	664.656.140.948	187.105.734.000	(124.742.577.933)	(5.707.368.000)	721.311.929.015
Vay dài hạn các cá nhân	192.800.000.000	-	-	-	192.800.000.000
Nợ thuê tài chính	663.783.809	-	(137.019.502)	-	526.764.307
Cộng	894.119.924.757	187.105.734.000	(124.879.597.435)	(5.707.368.000)	950.638.693.322

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.679.917.223	540.317.142	(4.267.733.326)	(1.047.498.961)
Quỹ phúc lợi	7.409.505.481	1.767.641.652	(4.991.905.719)	4.185.241.414
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	594.364.597	3.005.885.827	(2.000.000.000)	1.600.250.424
Cộng	10.683.787.301	5.313.844.621	(11.259.639.045)	4.737.992.877

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Kỳ trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	309.998.860.000	249.381.338.937	233.202.153.248	27.145.979.951	207.224.216.634	1.026.952.548.770
Góp vốn bằng tiền trong kỳ	-	-	-	-	14.300.000.000	14.300.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	63.429.665.188	-	15.967.314.238	79.396.979.426
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	42.191.689.025	(45.004.468.293)	-	-	(2.812.779.268)
Trích kinh phí HĐQT, BKS	-	-	(2.109.584.451)	-	-	(2.109.584.451)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(77.499.715.000)	-	-	(77.499.715.000)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	(771.766.545)	220.504.727	(469.593.401)	(1.020.855.219)
Sử dụng quỹ khác tại Công ty con	-	-	-	(135.000.000)	(115.000.000)	(250.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	309.998.860.000	291.573.027.962	171.246.284.147	27.231.484.678	236.906.937.471	1.036.956.594.258
Kỳ này						
Số dư đầu năm nay	309.998.860.000	293.738.095.120	252.641.389.090	27.231.484.678	257.479.071.338	1.141.088.900.226
Góp vốn bằng tiền trong kỳ	-	-	-	-	368.163.308	368.163.308
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	115.025.938.212	-	13.513.237.643	128.539.175.855
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	46.741.657.863	(51.226.524.505)	265.102.094	(1.094.080.073)	(5.313.844.621)
Trích kinh phí HĐQT, BKS tại Công ty con	-	-	(220.449.395)	-	(211.804.320)	(432.253.715)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(46.499.829.000)	-	(407.383.600)	(46.907.212.600)
Sử dụng quỹ khác tại Công ty con	-	-	-	(135.000.000)	(115.000.000)	(250.000.000)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	-	(73.386.183)	-	73.386.183	-
Số dư cuối năm kỳ này	309.998.860.000	340.479.752.983	269.647.138.219	27.361.586.772	269.605.590.479	1.217.092.928.453

HÀNG
 U
 V
 H
 7/3/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	111.599.990.000	111.599.990.000
Các cổ đông khác	198.398.870.000	198.398.870.000
Cộng	<u>309.998.860.000</u>	<u>309.998.860.000</u>

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.999.886	30.999.886

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 46.499.829.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	: 45.088.287.410
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST) (*)	: 7.514.714.568
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST) (*)	: 7.514.714.568
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	: 3.005.885.827
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (1,5% LNST)	: 2.109.584.451

(*) Đã tạm phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 05 năm 2024 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 15.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (15% LNST)	: 3.241.902.851
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	: 1.080.634.284
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (2% LNST)	: 432.253.714

Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2024 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 17.784.000.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	: 1.227.324.510
• Trích Quỹ khác thuộc VCSH (2% LNST)	: 490.929.804

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.783.027,03	2.480.362,17
Euro (EUR)	50,00	50,00
Bath Thái (THB)	32.670,35	500.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	92.735.142.026	74.149.906.202
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	94.189.907.252	85.397.802.487
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	699.160.041.734	444.355.711.038
Doanh thu nạo vét cầu cảng	302.710.232.358	16.391.499.797
Doanh thu tư hợp tác kinh doanh	6.606.900.817	6.594.610.152
Doanh thu dịch vụ khác	30.553.964.541	27.847.994.795
Cộng	1.225.956.188.728	654.737.524.471

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.1

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	64.138.856.932	12.310.440.176
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	75.859.446.664	68.882.596.914
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	526.149.566.706	356.720.408.064
Giá vốn nạo vét cầu cảng	262.851.837.991	13.449.892.106
Giá vốn từ hợp tác kinh doanh	3.900.029.344	4.131.550.917
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	22.032.394.145	25.131.870.158
Cộng	954.932.131.782	480.626.758.335

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.141.786.015	651.075.722
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.604.782.216	2.308.739.888
Chiết khấu thanh toán	21.796.851	-
Lãi cho vay	707.178.083	732.986.300
Doanh thu tài chính khác	-	1.595.197
Cộng	11.475.543.165	3.694.397.107

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	56.009.486.583	40.134.548.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	205.265.035	752.419.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	334.846.739	200.237.237
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.961.990.508	-
Chiết khấu thanh toán	16.809.112	-
Chi phí tài chính khác	-	107.461.526
Cộng	60.528.397.977	41.194.666.895

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.110.698.531	4.768.671.406
Chi phí vật liệu, bao bì	-	39.811.642
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	452.068.934	300.190.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.750.000	3.750.000
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	4.958.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.222.417.524	2.078.413.185
Các chi phí khác	717.874.136	915.297.788
Cộng	9.506.809.125	8.111.092.695

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	36.509.157.075	26.621.299.248
Chi phí vật liệu quản lý	690.231.554	496.054.119
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.263.371.860	701.854.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.950.349.896	596.899.530
Thuế, phí và lệ phí	96.851.963	152.261.983
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	771.179.688	3.274.934.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.085.923.047	9.764.915.346
Các chi phí khác	10.482.249.478	3.637.189.229
Cộng	68.849.314.561	45.245.408.779

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán đầu tồn tại tàu thuê	243.001.725	-
Thu tiền bồi thường	318.813.018	3.521.405.450
Xử lý vật tư thừa do kiểm kê	5.070.928	-
Thu nhập khác	23.289.134	72.405.232
Cộng	590.174.805	3.593.810.682

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	462.524.208	536.332.555
Bảo hiểm chậm nộp	976.139	7.925.975
Thanh lý công cụ dụng cụ	289.944.516	-
Xử lý vật tư thiếu do kiểm kê	1.699.531	-
Chi phí khác	41.370	117.570.706
Cộng	755.185.764	661.829.236

9. Lãi trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	115.025.938.212	63.431.148.285
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, kinh phí hoạt động của Ban điều hành (*)	(6.237.028.139)	(6.431.712.853)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	108.788.910.073	56.999.435.432
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	30.999.886	30.999.886
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.509	1.839

(*) Số trích quỹ được ước tính theo tỷ lệ trích quỹ được quy định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty mẹ và các công ty con.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	247.434.695.055	135.418.173.146
Chi phí nhân công	198.413.846.246	128.468.558.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.783.126.861	103.847.731.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	491.515.723.758	189.572.432.783
Chi phí khác	38.624.739.831	20.745.035.568
Cộng	1.095.772.131.751	578.051.931.677

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch không có công nợ với các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT /Tổng Giám đốc	676.850.000	129.250.000	-	806.100.000
Phạm Đức Duy	Trưởng BKS (từ 21/08/2023)	276.300.000	55.050.000	-	331.350.000
Vũ Thị Hải Yến	Thành viên BKS	-	-	-	-
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/04/2024)	188.850.000	10.000.000	-	198.850.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	399.550.000	78.900.000	-	478.450.000
Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc (từ 29/06/2023)	328.000.000	63.000.000	-	391.000.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	324.000.000	63.000.000	-	387.000.000
Cộng		2.193.550.000	399.200.000	-	2.592.750.000

Kỳ trước*Hội đồng quản trị*

Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	476.880.600	-	-	476.880.600
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	238.970.721	-	-	238.970.721
Vũ Hải Yến	Thành viên BKS	-	-	-	-
Phạm Đức Duy	Thành viên BKS	163.366.080	-	-	163.366.080
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	306.423.678	-	-	306.423.678
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	306.423.678	-	-	306.423.678
Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc (từ 29/06/2023)	47.581.000	-	-	47.581.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	284.351.100	-	-	284.351.100
Cộng		1.823.996.857	-	-	1.823.996.857

31
CỔ
CỐ
DỊCH
N T

9-002
ÁNH
TY
A HỮU H
A TỰ V
C
A NỘI
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch – Giải trí Saigon Today	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Petro Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản cho các đơn vị:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	69.125.527.616
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	221.107.675	138.705.965
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.855.638.779	1.677.555.349
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	-	132.013.468
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	30.791.605.503	30.057.279.095
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	316.400.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	9.970.445	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	231.877.704	-
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	55.249.807.377	53.419.093.909

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị:		-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	804.584.074	675.827.296
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	4.779.151.486	232.264.900
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	270.499.350	631.165.150
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	4.052.456.400	5.277.046.000
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	1.024.129.000	1.687.572.027
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	5.580.000.000	5.580.000.000
Chi trả cổ tức cho:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	27.899.997.500
Ứng trước thực hiện hợp đồng		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	30.000.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.14, V.17, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ ngoài khơi.
- Lĩnh vực kinh doanh: Bán hàng hóa thành phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.
- Lĩnh vực kinh doanh: Các lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Bán hàng hóa thành phẩm	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	699.160.041.734	94.189.907.252	92.735.142.026	339.871.097.716	1.225.956.188.728
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	699.160.041.734	94.189.907.252	92.735.142.026	339.871.097.716	1.225.956.188.728
Giá vốn hàng bán	(526.149.566.706)	(75.859.446.664)	(64.138.856.932)	(288.784.261.480)	(954.932.131.782)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	173.010.475.028	18.330.460.588	28.596.285.094	51.086.836.236	271.024.056.946
Chi phí bán hàng					(9.506.809.125)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(68.849.314.561)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					192.667.933.260
Doanh thu hoạt động tài chính					11.475.543.165
Chi phí tài chính					(60.528.397.977)
Lãi lỗ công ty liên kết					11.265.545.496
Thu nhập khác					590.174.805
Chi phí khác					(755.185.764)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(27.388.628.031)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					127.326.984.954

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Dịch vụ ngoài khơi	Bán hàng hóa thành phẩm	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	444.355.711.038	85.397.802.487	74.149.906.202	50.783.801.108	654.687.220.835
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	444.355.711.038	85.397.802.487	74.149.906.202	50.783.801.108	654.687.220.835
Giá vốn hàng bán	(356.720.408.064)	(68.882.596.914)	(12.310.440.176)	(42.713.313.181)	(480.626.758.335)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.635.302.974	16.515.205.573	61.839.466.026	8.070.487.927	174.060.462.500
Chi phí bán hàng					(8.111.092.695)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(45.245.408.779)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					120.703.961.026
Doanh thu hoạt động tài chính					3.694.397.107
Chi phí tài chính					(41.194.666.895)
Lãi lỗ công ty liên kết					6.851.240.508
Thu nhập khác					3.593.810.682
Chi phí khác					(661.829.236)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(13.589.873.766)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					79.396.979.426

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Bán hàng hóa thành phẩm	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.803.717.833.475	402.993.779.580	144.461.464.632	2.583.170.684.446	4.934.343.762.133
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					210.498.513.195
Tổng tài sản					5.144.842.275.328
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	988.819.781.774	201.266.750.241	282.434.095.945	2.419.918.448.594	3.892.439.076.554
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					35.310.270.321
Tổng nợ phải trả					3.927.749.346.875
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.831.885.083.709	395.893.638.788	190.562.375.642	950.503.369.296	3.368.844.467.435
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					163.465.467.699
Tổng tài sản					3.532.309.935.134
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.259.285.603.009	191.638.058.191	95.305.653.461	792.768.637.137	2.338.997.951.798
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					52.223.083.111
Tổng nợ phải trả					2.391.221.034.909

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người lập biểu

Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2024



Lê Đăng Phúc

